TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày 30-9-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân Ông Nguyễn Huy Cương

Ông Trần Mai Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Viết Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty A. Địa chỉ: Xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty A: Ông Đào Việt D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Phường MĐ, quận NTL, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (Bà Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Lê Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khối A, phường QT, thị xã HMi, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Vũ Lê Tr, sinh năm 1983. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối A, phường QT, thị xã HM, tỉnh Nghệ An

Hiện nay đang ở Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ý kiến của nguyên đơn Công ty A:

Ngày 08/01/2019, Trung tâm đào tạo và hợp tác A và anh Vũ Lê Tr, ông Vũ Lê Đ đã ký Vi bằng số 68/2019/VB-TPLTĐ tại Văn phòng thừa phát lại TĐ. Trong đó, ông Vũ Lê Đ là người bảo lãnh cho thực tập sinh Vũ Lê Tr có cam kết: Nếu trong thời hạn 03 năm, anh Vũ Lê Tr được phái sinh đi Nhật Bản làm việc theo sự sắp xếp và tư vấn, giám sát của Trung tâm đào tạo và hợp tác A mà anh Vũ Lê Tr vi phạm các cam kết với Công ty hoặc nơi làm việc tại Nhật Bản như bỏ trốn, phạm pháp…dẫn đến ảnh hưởng đến uy tín và thỏa thuận giữa Công ty và Nhật Bản thì ông Vũ Lê Đ có trách nhiệm bồi thường cho Công ty 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) trong vòng 05 ngày kể từ khi có thông tin về việc vi phạm của thực tập sinh do phía Nhật Bản thông báo.

Ngày 17/6/2020, Nghiệp đoàn A đã có thông báo về việc anh Vũ Lê Tr có hành vi bỏ trốn tại nơi làm việc ở Nhật Bản. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và trao đổi với gia đình ông Vũ Lê Đ thực hiện nhiệm vụ trong vi bằng, đồng thời đã có Công văn số 227/2020/CV ngày 22/6/2020 về việc yêu cầu ông Đ thực đúng cam kết trong Vi bằng số 68/2019/VB-TPLTĐ lập ngày 08/01/2019 nhưng không nhận được hồi đáp từ phía ông Đ. Ngày 27/6/2020, tại nhà ông Vũ Lê Đ làm việc với người đại diện theo ủy quyền của Công ty, ông Vũ Lê Đ đã cam kết hiện nay anh Vũ Lê Tr đã trốn khỏi nơi làm việc là vi phạm, nếu trong vòng 2 tuần mà anh Vũ Lê Tr không quay lại nơi làm việc thì gia đình phải nộp phạt theo vi bằng đã ký. Do ông Vũ Lê Đ không thực hiện theo cam kết nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An buộc người bảo lãnh là ông Vũ Lê Đ phải trả cho Công ty A số tiền 300.000.000 đồng, tiền lãi suất và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế cho Công ty do hành vi vi phạm của anh Vũ Lê Tr gây ra theo cam kết tại Vi bằng số 345/2019/VB-TPLTĐ ngày 20/02/2019.

Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị L người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế cho công ty do hành vi vi phạm của anh Vũ Lê Tr gây ra và tiền lãi suất theo quy định. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Vũ Lê Đ bồi thường số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình ông Vũ Lê Đ, nguyên đơn Công ty A đồng ý giảm cho ông Đ 100.000.000 đồng, còn lại số tiền 200.000.000 đồng buộc ông Vũ Lê Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Ý kiến của bị đơn ông Vũ Lê Đ

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2021 và giấy xin trình bày ngày 26/3/2021 của ông Vũ Lê Đ có nội dung: Anh Vũ Lê Tr là con trai ông Vũ Lê Đ; anh Tr đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ tháng 01 năm 2019 và đã làm việc tại Công ty được 01 năm 06 tháng, đến tháng 7/2020 ra ngoài làm vì công ty không có việc làm. Ông Vũ Lê Đ thừa nhận có ký, ghi họ tên, điểm chỉ vào Văn bản cam kết ngày 08/01/2019 và Vi bằng số 68/2019/VB-TPLTĐ lập ngày 08/01/2019 nhưng ông Đ không được nhận hai văn bản này. Ông Đ biết

được nội dung Văn bản cam kết ngày 08/01/2019 và Vi bằng số 68/2019/VB-TPLTĐ lập ngày 08/01/2019 là người bảo lãnh cho con trai là anh Vũ Lê Tr đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, còn nội dung bị phạt như thế nào thì ông Đ không biết. Hiện nay anh Tr đang ở Nhật Bản và thỉnh thoảng có gọi điện thoại về cho vợ là Trần Thị T. Ông Vũ Lê Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty A ông Đ không vi phạm, anh Vũ Lê Tr vi phạm nên phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Lê Tr:

Do anh Vũ Lê Tr đã bỏ đi khỏi nơi làm việc theo hợp đồng ban đầu nên hiện tại nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của anh Vũ Lê Tr cho Tòa án. Tại công văn số 19380/A08(P5) ngày 29/01/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đã xác định anh Vũ Lê Tr đã xuất cảnh ngày 29/01/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp địa chỉ của anh Vũ Lê Tr nhưng bị đơn không cung cấp được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Nguyên đơn, người thân của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp được địa chỉ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Lê Tr ở nước ngoài, do Tòa án đã thụ lý nên căn cứ điểm b khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại tạm ứng án phí, đơn khởi kiện cùng các tài liệu liên quan cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (bồi thường thay) cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư liên tịch số: 01/2010/TTLT-TANDTC-BLĐTB&XH-VKSNDTC ngày 18/5/2010 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ lao động Thương binh và xã hội và Viện kiểm sát nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Tòa án nhân dân" thì nội dung khởi kiện trên là một loại tranh chấp dân sự, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác nhận anh Vũ Lê Tr có nhiều lần xuất nhập cảnh, lần gần đây nhất là ngày 29/01/2019 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Lê Tr đang ở nước ngoài. Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[3] Về tố tụng: Anh Vũ Lê Tr đã bỏ đi khỏi nơi làm việc theo hợp đồng ban đầu nên nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu bị đơn (bố đẻ anh Vũ Lê Tr) cung cấp địa chỉ của anh Vũ Lê Tr nhưng bị đơn không cung cấp được. Như vậy, anh Vũ Lê Tr thay đổi địa chỉ, nơi làm việc nhưng không thông báo cho nguyên đơn về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự được coi là cố tình dấu địa chỉ, vì vậy, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã quyết định mở phiên tòa lần thứ nhất vào hồi 13 giờ 30 ngày 12/4/3021 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa và thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa lần thứ 2 và nhiều lần tiếp theo cho các đương sự, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do; người được nguyên đơn ủy quyền bà Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Ngày 10/8/2018, anh Vũ Lê Tr ký hợp đồng thực tập kỹ thuật ở Nhật Bản với Công ty A, thời gian làm việc tại Nhật Bản là 36 tháng.

Ngày 20/02/2019, Trung tâm đào tạo và hợp tác A cùng với anh Vũ Lê Tr và ông Vũ Lê Đ đã cùng nhau lập "Văn bản cam kết", trong đó có nội dung anh Vũ Lê Tr cam kết: *"Tôi cam kết không bỏ trốn tại sân bay, tại nơi làm việc tại Nhật Bản. Nếu trong thời gian 03(ba) năm, tôi được phái sinh đi Nhật Bản làm việc theo sự sắp xếp và tư vấn, giám sát của Trung tâm đào tạo và hợp tác A mà tôi vi phạm các cam kết với công ty hoặc nơi làm việc tại Nhật Bản như bỏ trốn, phạm pháp... thì tôi tự nguyện chịu phạt số tiền là: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: ba trăm triệu đồng chẵn) và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế của công ty trong vòng thời gian 05 (năm) ngày kể từ ngày có căn cứ xác nhận sự kiện vi phạm...Trong trường hợp nếu tôi không thể bồi thường hoặc Trung tâm đào tạo và hợp tác A - chi nhánh Công ty A không thể liên lạc được với tôi để yêu cầu bồi thường thì công ty có quyền yêu cầu bố ruột của tôi là ông Vũ Lê Đ thực hiện nghĩa vụ chịu phạt thay tôi số tiền 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng) và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế..."* và ông Vũ Lê Đ cũng cam kết với nội dung: *"Nếu trong thời gian 03 (ba)năm thực tập sinh Văn Đức Tuyến được phái sinh đi Nhật Bản làm việc theo sự sắp xếp và tư vấn, giám sát của Trung tâm đào tạo và hợp tác A - chi nhánh Công ty A mà ông Vũ Lê Tr là con trai tôi vi phạm các cam kết với công ty hoặc nơi làm việc tại Nhật Bản như bỏ trốn, phạm pháp...thì tôi tự nguyện chịu nộp phạt số tiền là 300.000.000*

đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng) và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế của công ty trong vòng 05 (năm) ngày …".

Văn bản cam kết đã được các bên tự nguyện yêu cầu lập Vi bằng tại Văn phòng thừa phát lại TĐ, có địa chỉ tại Phường TH, Quận CG, Thành phố Hà Nội và đã được thừa phát lại lập vi bằng số 68/2019/VB-TPLTĐ ngày 08/01/2019.

Ngày 17/6/2020 Nghiệp đoàn A (nơi anh Tr làm việc tại Nhật Bản) đã có thông báo về việc anh Vũ Lê Tr có hành vi bỏ trốn khỏi nơi làm việc tại Nhật Bản.

[4.2] Xét thấy việc anh Vũ Lê Tr, ông Vũ Lê Đ và Công Công ty A lập văn bản cam với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung cam kết không trái pháp luật. Theo đó ông Vũ Lê Đ cam kết nếu anh Vũ Lê Tr (con trai ông Đ) bỏ trốn khỏi nơi làm việc tại Nhật Bản thì ông Đ phải bồi thường cho Công ty A số tiền 300.000.000 đồng; việc thỏa thuận đã được lập vi bằng tại Văn phòng thừa phát lại TĐ; trình tự lập vi bằng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; sau khi làm việc tại Nhật Bản anh Vũ Lê Tr đã trốn khỏi nơi đã ký kết hợp đồng lao động; ngày 27/6/2020, đại diện theo ủy quyền của Công ty A làm việc với ông Vũ Lê Đ tại nhà ông Đ và ông Đ đã thừa nhận việc anh Vũ Lê Tr trốn khỏi nơi làm việc là vi phạm cam kết trong vi bằng và nếu trong thời hạn hai tuần anh Tr không quay lại nơi làm việc thì đồng ý nộp phạt theo vi bằng. Vì vậy, Công ty A khởi kiện yêu cầu ông Vũ Lê Đ phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho Công ty số tiền đã cam kết là có căn cứ được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị L người đại diện theo ủy quyền yêu cầu ông Vũ Lê Đ bồi thường số tiền 300.000.000 đồng, tuy nhiên sau khi xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình ông Đ, Công ty A đồng ý giảm cho ông Đ 100.000.000 đồng, còn lại số tiền 200.000.000 đồng buộc ông Vũ Lê Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường. Xét thấy đây là sự tự nguyện và quyền định đoạt của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế cho công ty do hành vi vi phạm của anh Vũ Lê Tr gây ra và tiền lãi suất, quá trình giải quyết vụ án Công ty A không yêu cầu ông Vũ Lê Đ bồi thường thiệt hại thực tế và tiền lãi suất. Những yêu cầu này nằm trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong cùng vụ án, không phải là yêu cầu độc lập, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ Lê Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; các Điều 227; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 335; Điều 336; Điều 339; Điều 342;

Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc ông Vũ Lê Đ phải bồi thường cho Công ty A số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Vũ Lê Đ phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho Công ty A số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000202 ngày 19/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Văn Lý **Hồ Bá Võ** **Hoàng Ngọc Anh**